

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Lệ Nga.
- Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Địa chỉ: Số H, L, quận Đ, thành phố H Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng B, số B, T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2023) (sau đây viết tắt là V1); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1969; Chị Trương Thị Hồng K, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2023, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn V1, trình bày:

V1 cho bà Nguyễn Thị Kim B vay vốn theo các hợp đồng tín dụng số AGG/12/0168/HĐTD ngày 02/12/2015, số tiền vay 333.900.000 đồng, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng, mỗi tháng trả gốc và lãi là 5.565.000đ, mục đích vay: mua xe ô tô; hợp đồng tín dụng số LD2025301167 ngày 09/9/2020, số tiền vay 100.000.000 đồng, lãi suất 19%/năm và có điều chỉnh, thời hạn vay 36 tháng đến ngày 03/9/2023, trả gốc và lãi mỗi tháng, mục đích vay: tiêu dùng; số 325-P-8045170 vay ngày 12/9/2020, số tiền là 2.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển khoản vào thẻ, mục đích vay là tiêu dung. Để đảm bảo 03 khoản vay trên thì bà Trương Thị Hồng K là con của bà B, đã thế chấp xe ô tô tải (có mui), nhãn hiệu JAC, số loại HFC1061KT1, số khung RRGTT52D4FB100108, số máy CY4102BZLQ15034592, mang biển số 66C-04408, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bà Kim B theo hợp đồng số AGG/12/0168/HĐTD ngày 02/12/2015, được trung tâm đăng kiểm giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 02/12/2015.

Trong quá trình vay, đối với hợp đồng tín dụng số AGG/12/0168/HĐTD, đến ngày 28/12/2020, bà Kim B còn nợ tiền vay gốc 6.510.323 đồng, đến ngày 29/3/2024 nợ lãi trong hạn 2.384.957 đồng, lãi quá hạn 1.192.478 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 10.087.758 đồng; hợp đồng tín dụng số LD2025301167, tính đến ngày 03/12/2020, còn nợ gốc 95.467.209 đồng, đến ngày 29/3/2024, nợ lãi trong hạn 63.039.120 đồng, nợ lãi quá hạn 31.519.560 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 190.025.888 đồng; hợp đồng tín dụng số 325-P-8045170, từ ngày vay đến nay không trả tiền gốc và lãi, tiền lãi trong hạn 3.335.640 đồng, lãi quá hạn 1.667.820 đồng, tổng cộng 7.003.460 đồng. Như vậy, tổng cộng 03 khoản vay trên mà bà Nguyễn Thị Kim B còn nợ lại ngân hàng V1 tính đến ngày 29/3/2024 là 207.117.106 đồng (Trong đó nợ gốc là 103.977.532, nợ lãi trong hạn 68.795.716 đồng và nợ lãi quá hạn 34.379.858 đồng).

Nay V1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim B có nghĩa vụ trả (thanh toán) cho V1 số tiền vay còn nợ tính đến ngày 29/3/2024 là 207.117.106 đồng (Trong đó nợ gốc là 103.977.532, nợ lãi trong hạn là 68.795.716 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.379.858 đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Khi khởi kiện thì Ngân hàng có yêu cầu chị Trương Thị Hồng K cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho V1 cùng bà Kim B, nay Ngân hàng rút lại yêu cầu này, chỉ yêu cầu 01 mình bà Nguyễn Thị Kim B có nghĩa vụ trả nợ vay cho V1, không yêu cầu chị Trương Thị Hồng K liên đới. Đồng thời V1 yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp xe ô tô số AGG/15/0168/HĐTCSP ngày 02/12/2015 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim B và chị Trương Thị Hồng K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) nhưng bà B và chị K vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B trả cho V1 số tiền vay tính đến ngày 29/3/2024 là 207.117.106 đồng (Trong đó nợ gốc là 103.977.532, nợ lãi trong hạn là 68.795.716 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.379.858 đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng họ không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà V1 đưa ra nên V1 không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[4] V1 thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bà Kim B trả nợ, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của BLTTDS.

[5] Xét việc V1 yêu cầu bà Kim B trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi là 207.117.106 đồng (Trong đó nợ gốc là 103.977.532, nợ lãi trong hạn là 68.795.716 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.379.858 đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ, là có căn cứ để chấp

nhận, vì: Bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc bà B phải trả cho V1 toàn bộ số tiền vay còn nợ gốc và lãi 207.117.106 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

[6] Hợp đồng thế chấp giữa V1 với bà Hồng K để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bà Kim B phù hợp với quy định tại Điều 317 của Bộ luật Dân sự, nên chấp nhận tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp xe ô tô số AGG/15/0168/HĐTCSP ngày 02/12/2015 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bà B phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền 10.355.000 đồng. Trả lại cho V1 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 317, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V Vượng.
2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim B có nghĩa vụ trả (thanh toán) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền vay còn nợ tính đến ngày 29/3/2024 là 207.117.106 (Hai trăm lẻ bảy triệu một trăm mười bảy nghìn một trăm lẻ sáu) đồng (Trong đó, nợ gốc 103.977.532, lãi trong hạn 68.795.716 đồng, lãi quá hạn 34.379.858 đồng.) và tiếp tục tính lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký số AGG/12/0168/HĐTD ngày 02/12/2015, số LD2025301167 ngày 09/9/2020, số 325-P-8045170 ngày 12/9/2020 cho đến khi trả xong nợ.
3. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp xe ô tô số AGG/15/0168/HĐTCSP ngày 02/12/2015 giữa bà Trương Thị Hồng K với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Kim B.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim B chịu 10.355.000 (Mười triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

4.2. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.537.000 đồng theo Biên lai số 0006110 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2024); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú